

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ năm, ngày 3 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Biến động phiên ATC

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 04/10/2019		•	
Tuần 30/9-4/10/2019		•	
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Tiếp nối đà giảm của phiên trước, VN-Index mở đầu phiên sáng chìm trong sắc đỏ khi lực đỡ yếu ớt của BID, MSN, NVL không thể trì hoãn đà giảm của các mã bluechips như VCB, GAS, VIC. Đến phiên chiều, chỉ số chủ yếu vận động dưới mốc tham chiếu trước khi quay đầu tăng trở lại trong phiên ATC khi VNM bứt phá ấn tượng. Nhìn chung, thị trường có phiên giao dịch kém tích cực khi căng thẳng thương mại giữa Mỹ và EU leo thang với phán quyết của WTO ủng hộ động thái áp thuế lên 7.5 tỷ USD hàng hóa từ Châu Âu. Tuy vậy, những biến động phút cuối phiên vẫn cho thấy mốc 990 điểm vẫn là ngưỡng hỗ trợ khá mạnh cho thị trường trong thời điểm này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 03/10/2019, hầu hết chứng quyền đều giảm trái chiều với chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng. DPM đang tích lũy quanh ngưỡng 13.5 sau khi tạo đáy tại 12.5. Thanh khoản giữ tại mức thấp. Các chỉ báo cho thấy tín hiệu giảm ngắn hạn và hồi phục trong trung hạn. Vận động tăng của DPM có thể tạo động lực tăng lên giá chứng quyền của cổ phiếu này trong trung hạn.

Danh mục i-Invest: Theme Vật liệu Xây dựng 0.9%. 14/16 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **khả quan**, trong đó có tới **11/16 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX(0.1%)**. Đặc biệt, danh mục Vật liệu Xây dựng - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**.

Phân tích kỹ thuật: LCG_Xu hướng tăng (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PC1, KDH, CVT, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.26 điểm**, đóng cửa 992.45. HNX-Index **-0.05 điểm**, đóng cửa 105.21.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.08); VNM (+1.04); MSN (+0.35); VHM (+0.30); HT1 (+0.12)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.83); SAB (-0.54); HPG (-0.16); HVN (-0.14); POW (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,251 tỷ đồng**, **-8.9%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 9.1 điểm. Thị trường có 142 mã tăng, 63 mã tham chiếu và 164 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **202.09 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VCB (44.04 tỷ), VRE (41.14 tỷ) và HPG (27.50 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **4.14 tỷ đồng**.

VN-INDEX **992.45**Giá trị: 3251.95 tỷ **1.26 (0.13%)**

Khối ngoại (ròng): -202.09 tỷ

HNX-INDEX **105.21**Giá trị: 252.18 tỷ **-0.06 (-0.06%)**

Khối ngoại (ròng): 4.14 tỷ

UPCOM-INDEX **57.15**Giá trị: 178.29 tỷ **0.3 (0.53%)**

Khối ngoại(ròng): 4.04 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	52.4	-0.42%
Giá vàng	1,504	0.29%
Tỷ giá USD/VND	23,203	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,425	-0.72%
Tỷ giá JPY/VND	21,669	0.09%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	0.68%
LS TPCP 5 năm	3.1%	0.49%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
BID	14.4	VCB	-44.0
PVD	4.4	VRE	-41.1
VHM	4.3	HPG	-27.5
PVT	3.0	GAS	-22.5
STB	3.0	VNM	-17.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

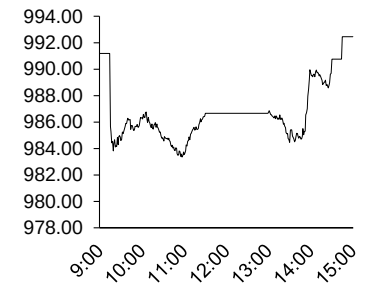
✦ Bạn không có thời gian để đầu tư
 ✦ Bạn bán khoản với biến động thị trường
 ✦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Hình 1

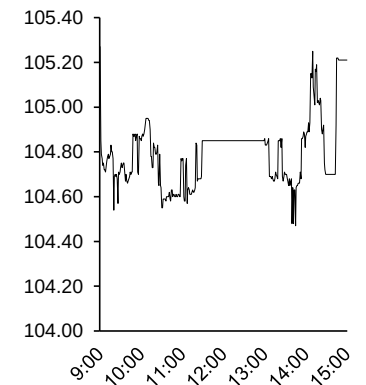
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-2.6%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.1%
Truyền thông	-0.7%
Tài nguyên Cơ bản	-0.6%
Du lịch và Giải trí	-0.4%
Bảo hiểm	-0.4%
Y tế	-0.3%
Dịch vụ tài chính	-0.1%
Ô tô và phụ tùng	-0.1%
Dầu khí	-0.1%
Bán lẻ	0.0%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.1%
Bất động sản	0.2%
Công nghệ Thông tin	0.2%
Ngân hàng	0.4%
Hóa chất	0.5%
Thực phẩm và đồ uống	0.5%

Nguồn: FiinPro

Sử dụng i-Invest tại đây
 Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
 Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **14/16 danh mục** Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **khả quan**, trong đó có tới **11/16 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**(0.1%). Đặc biệt, danh mục Vật liệu Xây dựng - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **15/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **khả quan**
- **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Vật liệu Xây dựng	0.9%	1.4%	3.9%	2.9%	1.6%	-2.7%	1.7%
Lãi suất giảm	0.7%	0.4%	3.5%	-0.9%	-0.7%	0.9%	53.4%
Chiến tranh thương mại	0.5%	0.6%	-1.8%	-6.8%	-4.5%	-2.2%	5.0%
Hàng tiêu dùng	0.4%	-1.0%	2.3%	6.7%	9.2%	3.9%	61.9%
Ngân hàng	0.4%	1.8%	7.5%	13.8%	8.8%	1.4%	83.3%
BDS & Khu công nghiệp	0.4%	0.8%	1.5%	3.3%	0.8%	0.7%	62.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	-0.5%	1.0%	0.0%	-2.1%	0.1%	77.5%
Xây dựng	0.3%	-1.1%	5.7%	1.4%	-8.3%	-10.3%	28.0%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.2%	1.4%	5.2%	0.3%	-5.1%	-10.7%	-7.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	-0.3%	4.7%	10.6%	9.1%	1.7%	78.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	0.8%	4.5%	7.3%	7.0%	3.1%	72.3%
Dầu khí	0.1%	-1.3%	-0.7%	-3.4%	-5.3%	-17.0%	9.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	0.3%	-1.1%	-5.4%	-0.9%	8.8%	46.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.0%	1.8%	6.9%	6.7%	1.4%	-7.2%	37.5%
Nước & Năng lượng	0.0%	-0.4%	0.6%	-3.3%	-0.3%	3.1%	57.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	1.1%	6.1%	-4.9%	-10.1%	-18.2%	45.7%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 15	1.1%	1.4%	5.1%	8.1%	5.3%	3.9%	81.1%
Danh mục 16	1.0%	0.0%	4.3%	8.2%	8.9%	3.9%	72.3%
Danh mục 7	0.8%	0.4%	3.4%	3.6%	2.4%	-0.2%	48.2%
Danh mục 10	0.0%	-0.5%	3.0%	9.8%	9.4%	1.4%	65.2%
Danh mục 6	-0.1%	0.2%	1.2%	8.4%	12.1%	9.9%	93.2%
* Note	15/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tuần khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 19	0.7%	0.0%	4.0%	9.6%	10.0%	10.0%	58.2%
Danh mục 25	0.4%	0.1%	-0.6%	5.4%	7.7%	26.0%	176.7%
Danh mục 21	0.4%	0.0%	4.7%	7.3%	7.0%	-4.2%	41.8%
Danh mục 24	-0.2%	0.1%	3.8%	8.9%	9.8%	2.5%	66.7%
Danh mục 22	-0.3%	-0.5%	6.1%	15.6%	14.3%	5.9%	77.0%
* Note	5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần khả quan						

INDEX							
VNINDEX	0.1%	0.2%	1.3%	1.8%	0.3%	-2.7%	45.3%
VN30INDEX	0.2%	0.4%	3.3%	4.8%	1.9%	-6.7%	37.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Phân tích kỹ thuật

LCG_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu LCG đã hình thành xu hướng hồi phục sau khi vượt lên ngưỡng trung bình 9.5 vào phiên 25/09. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên trong các phiên hồi phục gần nhất, cho thấy động lực tăng vẫn ở mức khá mạnh. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đã cho thấy xu hướng tăng giá tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt lên dải mây ichimoku cho thấy nhịp tăng giá trong trung hạn đã hình thành. Như vậy, LCG nhiều khả năng sẽ tăng trở về ngưỡng kháng cự cũ tại ngưỡng giá 11.5-12 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo KQKD 2019F LCG với DT và LNST đạt lần lượt 2,783.4 tỷ đồng (+10.2% yoy) và 236.2 tỷ đồng (+29.2% yoy) tương ứng EPS FW đạt 2,159 đồng/cp, tương đương P/E FW 4.6x, P/B FW 0.6x. (1) DT 2019F sẽ tới từ các mảng: DT mảng xây lắp đạt 2,327 tỷ đồng (+25% yoy) nhờ các dự án điện mặt trời như Mỹ Sơn 1&2 (1,800 tỷ) và giá trị hợp đồng chuyển tiếp đạt 3,767 tỷ đồng (+66.4% yoy); DT từ kinh doanh BĐS ước đạt 455 tỷ (-42% yoy). (2) BLNG LCG tăng lên 14% nhờ BLNG BĐS tăng lên 50%-60%. (3) BSC dự báo KQKD 2019 dựa trên HDKD cốt lõi chưa cộng thêm lợi nhuận bất thường từ chuyển nhượng dự án.

Cập nhật KQKD

LCG DT và LNST 1H2019 ước đạt lần lượt 1,102 tỷ đồng (+36.5% (yoy)) và 100.5 tỷ đồng (+76% yoy), hoàn thành 41% KH DT và 49% KH LNST. Lĩnh vực xây lắp 1H2019 đạt DT 786 tỷ đồng (+11.2% yoy) chiếm 70% cơ cấu DT và 21% LNG toàn công ty.

Lĩnh vực bất động sản 1H2019 đạt DT 336 tỷ đồng (+149% yoy) chiếm 30% DT và 79% LNG toàn công ty. Trong đó, LCG ghi nhận doanh thu từ 2 dự án Long Tân và Hiệp Thành với doanh thu lần lượt là 312 tỷ đồng và 24 tỷ đồng trong 1H19.

Dự án Solar Chư Ngọc đã chính thức đóng điện và kinh doanh vào đầu tháng 6 với công suất hiện tại là 2 triệu KW/tháng vượt 120% so với thiết kế. Ngoài ra, 2 dự án điện mặt trời Mỹ Sơn 1 (62 MWp) và Mỹ Sơn 2 (50 MWp) đã khởi công vào 26/06/2019 dự kiến sẽ hoàn thành vào Q4/19.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: LCG 2019Q3

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PC1_Hồi phục mạnh

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

CVT_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 03/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 03/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	52.33	-1.20%	-7.36%	-2.98%	-31.51%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	57.36	-1.54%	-8.06%	-1.54%	-33.52%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.54	-0.03%	-5.17%	4.80%	-27.91%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1496.37	20.67%	-0.49%	-3.25%	25.02%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.52	0.32%	-2.15%	-8.89%	20.17%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	910.50	10.25%	2.39%	6.30%	5.69%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	486.50	12.25%	1.94%	8.78%	-5.58%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.40	0.12%	0.77%	4.49%	16.38%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	152.10	2.70%	-7.54%	-5.17%	-4.04%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.89	0.01%	9.24%	15.19%	5.40%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.15	0.00%	1.94%	-6.25%	-10.26%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	100.60	0.75%	-0.35%	8.93%	-5.63%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.56	0.01%	-1.18%	2.07%	-9.14%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3653.00	19.00%	-1.03%	0.22%	-21.03%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1740.00	18.50%	-1.28%	-0.51%	-21.12%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	93.00	0.00%	1.09%	4.49%	33.81%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.33	1.29%	0.34%	-0.83%	-40.47%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu Brent kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 1.20 USD, tương đương 2%, xuống còn 57.69 USD/thùng, trong khi dầu thô Trung Tây Texas kỳ hạn tháng 11/2019 giảm 98 cent, tương đương 1.8%, còn 52.64 USD/thùng.
- Giá dầu tiếp tục giảm 2% sau khi các số liệu chính thức cho thấy dự trữ dầu của Mỹ tăng cao, bổ sung thêm vào lo lắng nguồn cung dư thừa trong khi các chỉ số kinh tế Mỹ yếu gây suy giảm các thị trường tài chính toàn cầu.
- Các chỉ số chính của Phố Wall giảm hơn 2% do tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung đến thị trường lao động Mỹ. Chứng khoán thế giới rơi xuống mức thấp nhất trong vòng 1 tháng. Dự trữ dầu thô của Mỹ đã tăng 3.1 triệu thùng trong tuần trước, vượt xa kỳ vọng của các nhà phân tích về mức tăng 1.6 triệu thùng. Các dấu hiệu giảm căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông cũng đè nặng lên giá dầu. Ecuador, một trong những thành viên nhỏ nhất của OPEC, cho biết họ sẽ rời khỏi khối 14 quốc gia từ ngày 1/1/2020 do vấn đề tài chính. Ecuador sẽ là quốc gia thứ hai rút khỏi OPEC trong năm ngoài sau Qatar.

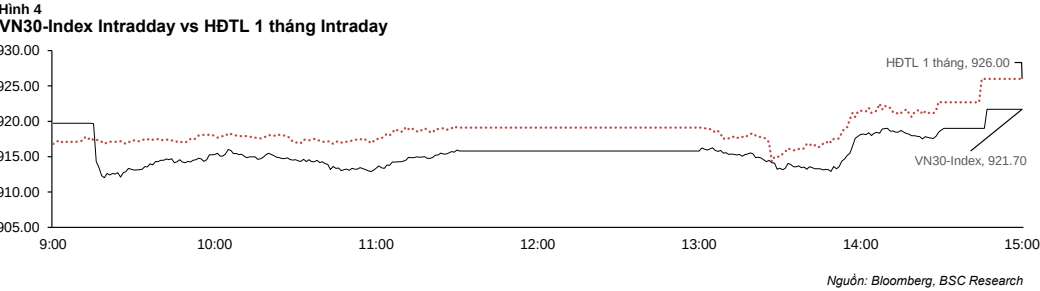
Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 1.6% lên 1,502.66 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 1.3% đạt 1,506.90 USD/ounce.
- Bob Haberkorn, chiến lược gia thị trường cao cấp cho biết giá vàng tăng là do các số liệu cho thấy hoạt động sản xuất tại Mỹ đang tụt tệ nhất kể từ năm 2009 và điều đó đã làm tăng kỳ vọng về lãi suất thấp hơn ở Mỹ. Chứng khoán thế giới đã rơi xuống mức thấp nhất trong 1 tháng do các dấu hiệu suy giảm của Mỹ và thu nhập yếu ở châu Âu, đẩy lên lo ngại cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung có thể đẩy nền kinh tế toàn cầu vào suy thoái. Điều này sẽ khiến đầu cơ vàng không mang lại lợi nhuận và cũng sẽ đè nặng lên lợi tức kho bạc Mỹ và đồng đồng bạc xanh.

Giá nông sản

- Chốt phiên, giá lúa mì đông đỏ mềm tại Chicago giao tháng 12/2019 đã giảm 9-3/4 cent còn 4.89 USD/bushel. Giá ngô kỳ hạn tháng 12 giảm 4-3/4 cent còn 3.87-3/4 USD/bushel. Giá đậu tương kỳ hạn tháng 11 đã giảm 5-3/4 cent xuống 9.13-3/4 USD/bushel. Giá ngô, đậu tương và lúa mì của Mỹ đều giảm do hoạt động bán kỹ thuật sau khi tăng mạnh vào đầu tuần này. Trong đó, giá lúa mì giảm mạnh nhất. Giá lúa mì đông đỏ mềm kỳ hạn tháng 12 giảm 2.1%, mức lỗ hàng ngày lớn nhất kể từ 30/8. Nhu cầu tiêu thụ lúa mì xuất khẩu yếu đã đẩy giá tăng trong 4 phiên liên tiếp.
- Giá đường thô tại Chicago đạt mức cao nhất kể từ giữa tháng 8 do hoạt động mua đầu cơ trong bối cảnh lo ngại thiếu hụt thị trường toàn cầu trong mùa này có thể lớn hơn dự báo ban đầu. Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 đã tăng 0.01 cent, tương đương 0.1%, lên mức 12.89 cent/lb, sau khi đạt mức 12.93 cent, cao nhất kể từ ngày 12/8. Trong khi, giá đường trắng tại London giao tháng 12 giảm 1 USD, tương đương 0.3%, xuống 343 USD/tấn.
- Giá cà phê arabica giao tháng 12 giảm 0.75 cent, tương đương 0.7%, còn 1.006 USD/lb. Cà phê robusta giao tháng 11 giảm 7 USD, tương đương 0.5%, xuống 1,304 USD/tấn. Nhà sản xuất cà phê hàng đầu Brazil đã xuất khẩu 2.69 triệu bao 60 kg trong tháng 9, giảm so với mức 2.99 triệu bao tháng 9/2018. Xuất khẩu cà phê từ Honduras, nhà sản xuất hàng đầu của Trung Mỹ, đã giảm 5.5% trong vụ 2018-19 và có khả năng tiếp tục giảm trong mùa mới.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F1910	926.00	0.56%	4.30	-13.2%	86857	10/17/2019	14
VN30F1911	923.00	0.38%	1.30	35.8%	379	11/21/2019	49
VN30F1912	920.10	0.22%	-1.60	38.2%	47	12/19/2019	77
VN30F2003	920.90	0.10%	-0.80	6.1%	104	3/19/2020	168

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 1.97 điểm lên mức 921.7 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, MSN, EIB, BID, và STB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. Tiếp nối đà giảm phiên liền trước, VN30 tiếp tục giảm mạnh vào đầu phiên sáng, giáng cơ quanh ngưỡng 914 điểm. Sang phiên chiều, VN30 hồi phục tích cực, vượt lên trên mốc tham chiếu. Thanh khoản giảm nhẹ và các chỉ báo kỹ thuật cho thấy chỉ số có thể điều chỉnh giảm ngắn hạn trước khi tiếp cận ngưỡng 930 điểm.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1910 và VN30F2003 đều tăng, trong khi VN30F1911 và VN30F1912 đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1911, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong trung hạn và kỳ vọng tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CMSN1901	KIS	11/14/2019	42	5:1	157,770	29.4%	2.0 triệu	22.89%	1,920	1,110	122.00%	29.10
CREE1901	MBS	11/19/2019	47	3:1	70,800	-63.0%	3.0 triệu	22.97%	1,260	1,680	15.86%	663.40
CVNM1901	KIS	12/13/2019	71	10:1	659,150	-13.3%	1.5 triệu	18.93%	1,200	690	7.81%	3.40
CVRE1901	KIS	11/14/2019	42	2:1	37,040	-45.9%	5.0 triệu	26.68%	1,900	790	5.33%	2.00
CMBB1902	HSC	12/17/2019	75	1:1	132,250	-18.8%	1.0 triệu	18.64%	3,200	4,050	0.00%	1,619.60
CSTB1901	KIS	1/9/2020	98	1:1	20,540	-61.9%	3.0 triệu	n/a	1,390	1,470	-0.68%	n/a
CMWG1903	HSC	12/30/2019	88	5:1	72,800	-51.8%	1.8 triệu	20.21%	2,700	6,930	-1.00%	6,227.50
CDPM1901	KIS	1/9/2020	98	1:1	4,050	-81.0%	5.0 triệu	n/a	1,900	1,830	-1.08%	n/a
CVHM1901	KIS	2/7/2020	127	4:1	12,340	-41.3%	1.5 triệu	n/a	3,100	3,980	-1.24%	n/a
CFPT1904	MBS	11/19/2019	47	3:1	160,030	149.1%	2.0 triệu	19.95%	1,700	2,880	-2.04%	1,884.90
CHPG1905	SSI	12/30/2019	88	1:1	63,350	-18.9%	1.0 triệu	28.42%	3,300	2,280	-2.56%	696.00
CFPT1903	SSI	12/30/2019	88	1:1	29,920	14.9%	1.0 triệu	19.95%	6,000	14,110	-2.76%	12,587.80
CMWG1904	SSI	12/30/2019	88	1:1	26,010	82.4%	2.0 triệu	20.21%	14,000	38,500	-3.44%	36,125.60
CNVL1901	KIS	2/7/2020	127	4:1	12,540	39.6%	2.5 triệu	n/a	1,900	2,810	-4.42%	n/a
CMWG1902	VND	12/11/2019	69	4:1	27,910	-65.8%	5.0 triệu	20.21%	2,990	9,510	-4.52%	8,976.20
CHPG1902	KIS	12/11/2019	69	5:1	767,820	145.9%	1.0 triệu	28.42%	1,000	160	-5.88%	-
CVIC1901	KIS	11/14/2019	42	5:1	109,960	1607.5%	5.0 triệu	20.87%	1,960	1,090	-9.92%	4.60
CHPG1906	KIS	11/14/2019	42	2:1	84,100	244.4%	2.0 triệu	28.42%	1,500	400	-11.11%	1.30

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 03/10/2019, hầu hết chứng quyền đều giảm trái chiều với chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CMSN1901 và CREE1901 tăng mạnh nhất lần lượt là 122.00%, và 15.86%. Thanh khoản thị trường tăng 12.91%. CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 31% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. DPM đang tích lũy quanh ngưỡng 13.5 sau khi tạo đáy tại 12.5. Thanh khoản giữ tại mức thấp. Các chỉ báo cho thấy tín hiệu giảm ngắn hạn và hồi phục trong trung hạn. Vận động tăng của DPM có thể tạo động lực tăng lên giá chứng quyền của cổ phiếu này trong trung hạn.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	129.00	1.57	1.41
MSN	78.00	1.30	0.65
EIB	16.80	1.20	0.29
BID	41.25	2.61	0.25
STB	10.50	0.96	0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	21.6	-0.92	-0.46
HDB	27.8	-1.07	-0.29
SAB	262.0	-1.09	-0.29
GAS	102.0	-1.45	-0.20
VJC	137.3	-0.22	-0.11

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN1901	98,488	88,888	78,000
CREE1901	41,330	37,550	38,600
CVNM1901	46,340	156,285	129,000
CVRE1901	44,688	40,888	32,000
CMBB1902	26,300	21,800	22,950
CSTB1901	12,278	10,888	10,500
CMWG1903	25,800	95,000	125,100
CDPM1901	15,888	13,988	13,450
CVHM1901	102,288	89,888	89,300
CFPT1904	57,100	52,000	57,200
CHPG1905	93,300	23,100	21,550
CFPT1903	56,154	45,140	57,200
CMWG1904	165,000	90,000	125,100
CNVL1901	69,688	62,088	63,700
CMWG1902	48,130	90,000	125,100
CHPG1902	166,285	41,999	21,550
CVIC1901	150,688	140,888	118,000
CHPG1906	31,088	28,088	21,550

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	125.1	-0.1%	0.7	2,408	4.9	7,893	15.8	5.3	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	80.9	0.4%	1.0	783	1.2	4,727	17.1	4.4	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	74.5	-0.4%	1.3	2,270	0.5	1,505	49.5	3.4	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.8	-0.6%	0.7	340	0.1	3,061	11.0	1.2	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	118.0	0.0%	1.1	17,166	3.3	1,643	71.8	4.8	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	32.0	0.0%	1.1	3,240	5.1	1,033	31.0	2.6	31.7%	8.8%
NVL	Bất động sản	63.7	0.3%	0.8	2,577	0.9	3,579	17.8	2.9	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	38.6	1.4%	1.0	520	2.1	5,261	7.3	1.3	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.8	-3.2%	1.4	386	2.5	3,744	4.5	1.1	46.5%	27.0%
SSI	Chứng khoán	23.4	0.0%	1.3	517	2.0	1,997	11.7	1.3	57.0%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.5	-1.4%	1.0	254	0.1	5,067	7.0	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.5	0.0%	1.4	325	1.3	1,434	17.0	1.8	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	57.2	0.0%	0.8	1,687	6.9	4,349	13.2	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	46.0	0.0%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	102.0	-1.4%	1.5	8,488	2.3	6,066	16.8	4.4	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	60.0	-0.2%	1.5	3,106	0.7	3,350	17.9	3.5	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	19.2	0.0%	1.7	399	1.6	2,397	8.0	0.7	22.9%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.2	-2.1%	0.8	1,240	0.5	1,163	7.9	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	92.5	-0.5%	0.5	526	0.0	4,616	20.0	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.5	1.1%	0.7	229	0.2	853	15.8	0.7	19.1%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.4	-0.1%	0.6	170	0.1	897	8.2	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	82.0	0.0%	1.3	13,223	3.5	4,729	17.3	4.0	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	41.3	2.6%	1.5	6,131	3.4	2,091	19.7	2.6	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.0	0.0%	1.6	3,400	1.8	1,470	14.3	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.6	0.0%	1.2	2,414	5.6	2,989	7.6	1.5	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.0	-0.2%	1.1	2,278	6.1	3,215	7.1	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.6	0.0%	1.1	1,664	1.9	4,469	5.3	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	51.6	0.2%	0.9	184	0.2	5,017	10.3	1.7	78.0%	17.1%
NTP	Nhựa	37.9	-0.8%	0.3	147	0.0	4,490	8.4	1.4	21.1%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.7	3.1%	1.2	653	0.0	732	22.8	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.6	-0.9%	1.0	2,587	4.3	2,760	7.8	1.3	37.9%	19.9%
HSG	Thép	7.1	1.3%	1.5	130	1.0	425	16.7	0.6	17.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	129.0	1.6%	0.8	9,767	4.5	5,465	23.6	7.9	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	262.0	-1.1%	0.8	7,305	0.1	6,735	38.9	9.6	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	78.0	1.3%	1.2	3,964	1.3	3,304	23.6	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	17.8	-0.6%	0.5	405	0.8	542	32.8	1.6	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	76.7	0.3%	0.8	7,260	0.1	2,630	29.2	5.4	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	137.3	-0.2%	1.1	3,127	2.0	9,850	13.9	5.3	19.9%	43.3%
HAV	Vận tải	32.8	-1.1%	1.7	2,023	0.3	1,747	18.8	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.7	1.1%	0.8	358	0.5	1,888	14.7	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.4	2.1%	0.6	212	0.4	2,435	7.1	1.2	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	107.8	1.4%	0.9	735	1.1	7,667	14.1	5.5	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.4	0.3%	0.8	377	0.2	1,327	14.6	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.9	6.7%	0.8	264	0.4	1,657	9.6	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	92.6	-0.4%	0.7	307	0.1	13,535	6.8	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.6	1,352	19.5	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	23.0	-1.5%	0.5	248	0.5	387	59.5	1.1	51.8%	1.9%
POW	Điện	12.6	-1.6%	0.6	1,283	0.6	820	15.4	1.2	14.5%	7.8%
NT2	Điện	24.0	0.2%	0.6	300	0.1	2,241	10.7	1.7	19.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	41.25	2.61	1.06	1.94MLN
VNM	129.00	1.57	1.03	825310.00
MSN	78.00	1.30	0.35	390570.00
VHM	89.30	0.34	0.30	327140.00
HT1	15.90	6.71	0.11	529900.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.60	1.54	0.11	1.75MLN
VCS	107.80	1.38	0.05	245900.00
L14	61.80	4.39	0.03	58400.00
S99	8.70	8.75	0.03	1400.00
TNG	18.00	2.27	0.02	524600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	102.00	-1.45	-0.85	511550.00
SAB	262.00	-1.09	-0.55	7300.00
HPG	21.55	-0.92	-0.16	4.56MLN
HVN	32.80	-1.06	-0.15	243500.00
POW	12.60	-1.56	-0.14	1.07MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DL1	20.70	-10.00	-0.11	100.00
HHC	119.90	-4.08	-0.05	8500.00
NVB	8.30	-1.19	-0.04	902500.00
MBG	33.80	-4.79	-0.03	302700.00
IDJ	5.60	-9.68	-0.02	365300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMV	13.00	7.00	0.00	10.00
IJC	16.15	6.95	0.04	1.58MLN
PTL	4.48	6.92	0.01	81120.00
JVC	3.56	6.91	0.01	784950.00
FTM	3.88	6.89	0.00	1.52MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	20.0	0.00	29400.00
BPC	16.50	10.0	0.00	100.00
L35	8.80	10.0	0.00	100.00
HPM	12.40	9.7	0.00	100.00
MCO	2.30	9.5	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNL	15.35	-6.97	0.00	830.00
CCL	8.05	-6.94	-0.01	300390.00
RIC	6.04	-6.93	0.00	70.00
DXV	3.26	-6.86	0.00	930.00
DIC	1.82	-6.67	0.00	1.32MLN

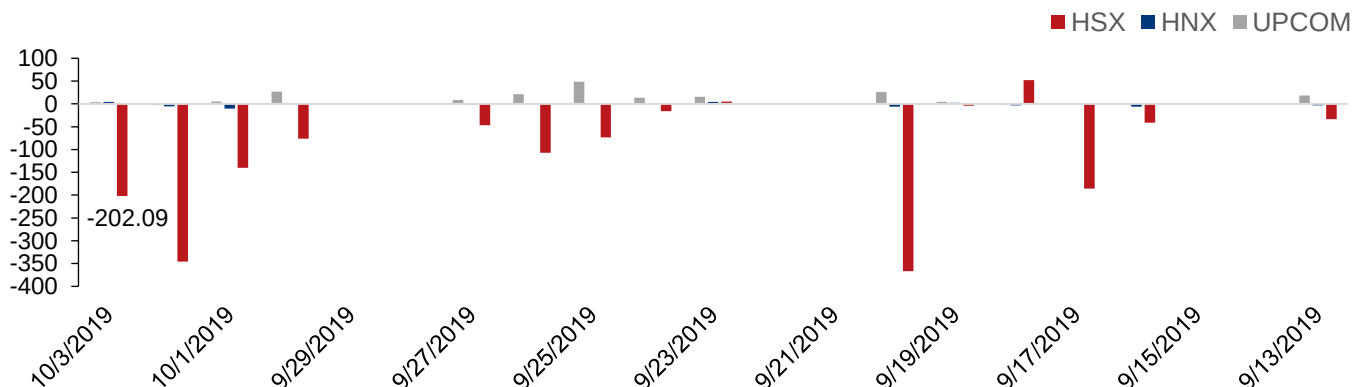
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CKV	14.40	-10.00	0.00	100.00
DL1	20.70	-10.00	-0.11	100.00
HLY	49.50	-10.00	0.00	1000.00
S74	4.50	-10.00	0.00	29000.00
IDJ	5.60	-9.68	-0.02	365300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
2	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
8	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
9	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
10	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
15	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_ Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	TRC	Cap su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	37.5	3,672	10.2	0.7	Click
2	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	78.0	3,304	23.6	2.9	Click
3	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	129.0	5,465	23.6	7.9	Click
4	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.4	2,680	8.4	1.6	Click
5	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	38.6	5,261	7.3	1.3	Click
6	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	82.9	18,865	4.4	1.7	Click
7	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	9.8	2,076	4.7	0.7	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.6	4,469	5.3	1.2	Click
9	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	15.1	1,098	13.8	1.3	Click
10	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	82.0	4,729	17.3	4.0	Click
11	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.2	1,295	17.9	1.8	Click
12	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.0	3,215	7.1	1.4	Click
13	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	57.0	2,801	20.3	3.4	Click
14	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.7	1,888	14.7	1.3	Click
15	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	30.5	3,705	8.2	2.2	Click
16	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.2	4,349	13.2	2.9	Click
17	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.0	649	21.6	1.2	Click
18	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	125.1	7,893	15.8	5.3	Click
19	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	80.9	4,727	17.1	4.4	Click
20	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	55.0	5,276	10.4	3.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express QNS 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 30000 QNS hiện đang giao dịch ở vùng giá 29,000-30,000 VND/cp tương đương PE TTM là 8.8x thấp hơn trung vị ngành đường Việt Nam là 21.7x. Theo QNS dự báo doanh thu 2019F sẽ duy trì ngang với năm 2018 là 8,031 - 8,100 tỷ đồng và LNST sẽ giảm do chính sách giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho nhà máy đường An Khê đã hết hạn vào năm 2018, vì thế khả năng QNS sẽ khó hoàn thành được kế hoạch doanh thu 2019F là 8,400 tỷ đồng nhưng kỳ vọng vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 199.2 tỷ đồng. Mảng sữa đậu nành QNS kỳ vọng sẽ tăng trưởng 10-15%/năm trong giai đoạn 2019-2021. QNS đầu tư nhà máy đường tinh luyện RS dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2019F nên sẽ mở rộng được khách hàng F&B lớn như CocaCola, Pepsico,...
Express CVT 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 25200; Giá tại Publish 23600 Chúng tôi dự báo doanh thu của CVT năm 2019 đạt 1,567 tỷ đồng (+8% YoY), tương đương với tổng sản lượng tiêu thụ là 17.5 triệu m2 (+1.7% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 162 tỷ (tương đương 2018), EPS fw = 4,194 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPT 5% LNST). Kết quả kinh doanh 9T2019: Doanh thu 1,148 tỷ đồng (+9.6% YoY), sản lượng 11.4 triệu m2 (tương đương 9T2018), trong đó: sản lượng Q3/2019 ước đạt 5.1 triệu m2, doanh thu 485 tỷ (+9.2% YoY). Ước tính sản lượng Q4/2019 đạt 5.2 -5.5 triệu m2, cả năm 17 triệu m2 (tương đương kế hoạch sản xuất).
MSN 2019Q3	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 82770; Giá tại Publish BSC dự báo KQKD MSN DTT và LNST&CDTT 2019F lần lượt đạt 40,938 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 4,225 tỷ đồng (-14% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 23%, EPS FW 2019F đạt 3,920 VND/CP, PE FW = 20.5x và PB FW = 2.6x. Lũy kế nửa đầu năm 2019 KQKD của MSN đang chậm lại, cụ thể: DT và LNST của MSN đạt 18,099 tỷ đồng (+0.33% yoy) và 2,191.6 tỷ đồng (-35.9% yoy, nếu loại trừ LNBT thì LNST tăng +8% yoy). Qua đó , MSN hoàn thành 40.22% kế hoạch DT và 43.8% kế hoạch LNST. Chúng tôi lưu ý MSN đầu năm đặt kế hoạch thấp cho năm 2019 với DTT và LNST&CDTS đạt 45,000 tỷ đồng và 5,000 tỷ đồng.
VNM 2019Q3	27/9/2019	Khuyến nghị NĂM GIỮ; Giá mục tiêu 142100; Giá tại Publish 130000 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 22.4x và PB fw là 7.4x. Chúng tôi giả định doanh thu nội địa đạt 44.5 ngàn tỷ đồng (+7% yoy) trong 2019F nhờ (1) Tăng thị phần nội địa và nhu cầu tiêu thụ sữa vẫn còn tăng trưởng; (2) BLNG cải thiện lên 47.3% với giả định giá sữa nguyên liệu WMP giảm 3%; (3) Các chi phí SGA/Rev duy trì mức 25% theo như VNM công bố đầu năm. SCIC thoái vốn 36% cổ phần VNM cuối năm 2019-2020. Mở cửa xuất khẩu sữa VNM ra thị trường tiềm năng Trung Quốc. Hàng ngoại nhập sẽ cạnh tranh với VNM từ các hiệp định thương mại. Biến động giá sữa nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng tới biên gộp.
VHC 2019Q3	25/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 93500; Giá tại Publish 79500 Năm 2019, chúng tôi điều chỉnh giảm doanh thu năm 2019 đạt 9,522 tỷ (-6.8% so với dự báo trước) do hạ kỳ vọng về kim ngạch xuất khẩu của VHC (giá bán giảm 10% thay vì 5% trong báo cáo trước). Chúng tôi điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế lên mức 1,435 tỷ (+9.1% so với dự báo trước) do (1) điều chỉnh khoản LN bất thường (103.8 tỷ) từ thoái vốn công ty con và (2) tăng mức biên LNG lên 20.9% cho cả năm 2019 do trong 1H.2019, VHC tiếp tục được hưởng lợi từ mức chênh lệch giữa giá đầu vào và giá bán. EPS dự phóng 2019 đạt 15,489 VND/cp. Nếu loại trừ ảnh hưởng của LN bất thường, LNST đạt 1,331 tỷ, EPS đạt 14,264 VND/cp.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn